

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày 12-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Thọ.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Kiên.

2. Bà Nguyễn Thị Khánh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Đào - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:*** Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Huy H, sinh năm 1990 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Tổ N, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T và bà Đặng Thị L; có vợ là Phan Phạm N và có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 27/7/2022 đến ngày 05/8/2022 được cho tại ngoại; có mặt tại phiên toà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ M, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

2. Anh Trần Hùng M, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. Chị Trương Thị Kh, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

4. Anh Bùi Văn H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.
5. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ V, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.
6. Chị Đặng Thị Kim D, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ X, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
7. Chị Lê Thị Hồng H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ X, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.
8. Anh Trần Việt C, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
9. Bà Đặng Thị C, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ B, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
10. Bà Lê Thị N, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
11. Anh Lại Văn T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ G, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.
12. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1957; nơi cư trú: Tổ C, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
13. Anh Lê Tiến Đ, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.
14. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ N, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
15. Anh Lê Văn S, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ N, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.
16. Anh Phạm Ngọc B, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến ngày 27/7/2022, do thấy có một số người có nhu cầu vay tiền để sử dụng mà không muốn làm thủ tục vay ngân hàng hay các tổ chức tín dụng nên Nguyễn Huy H làm nghề lao động tự do, không có giấy phép kinh doanh dịch vụ cấp, cho vay tín dụng hoặc hỗ trợ tài chính nhưng vì ham lợi nên nảy sinh ý định cho những người có nhu cầu vay tiền với mức lãi suất từ 108%/ năm đến 450%/năm (cao gấp từ 5 lần đến 22 lần mức lãi suất cao nhất quy

định trong Bộ luật dân sự), nhằm thu lời bất chính. Khi người vay có nhu cầu vay tiền, Nguyễn Huy H yêu cầu người vay viết đầy đủ thông tin về ngày vay, số tiền vay, thời gian vay và không ghi lãi suất rồi ký ghi rõ họ tên vào “Hợp đồng vay tiền” do H đưa sẵn mẫu, trên mẫu đều ghi “Tại cửa hàng cầm đồ VC; Địa chỉ: Xóm I, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam”. Hùng thống nhất với người vay tính một tháng là 30 ngày không kể tháng thiếu hay tháng thừa, một tháng trả tiền lãi một lần vào ngày trùng của tháng tiếp theo, trả lãi đến khi nào trả hết số tiền gốc đã vay. Việc giao dịch cho vay lãi nặng của Nguyễn Huy H, cụ thể như sau:

1. Giao dịch giữa Nguyễn Huy Hùng và chị Đỗ Thị H, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ M, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam, cụ thể:

- Ngày 14/5/2022, Hùng cho chị Đỗ Thị H vay số tiền 100 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm). Quá trình vay, ngày 14/6/2022 và ngày 14/7/2022, chị H đã trả tổng số tiền lãi 24.000.000 đồng, gốc chưa trả.

Như vậy, khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất theo quy định của pháp luật mà Nguyễn Huy H được phép thu trong thời gian từ ngày 14/5/2022 đến ngày 14/7/2022 là 3.287.671 đồng; trong thời gian từ ngày 15/7/2022 đến ngày 27/07/2022 là 657.534 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính của 60 ngày là 20.712.329 đồng.

Số tiền H nhằm thu lời bất chính của 12 ngày là 4.142.466 đồng.

2. Giao dịch giữa Nguyễn Huy H và anh Trần Hùng M, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam:

- *Lần thứ nhất:* Ngày 07/6/2022, H cho anh Trần Hùng M vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm). H đã cắt lãi trước 1 tháng là 6.000.000 đồng, ngày 07/07/2022 anh M đã trả đủ tiền gốc.

Như vậy số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 821.917 đồng

Số tiền H đã thu lời bất chính là 5.178.083 đồng.

- *Lần thứ hai:* Ngày 28/6/2022, H cho anh M vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm). H đã cắt lãi trước 1 tháng. Đến nay anh M chưa trả số tiền gốc.

Như vậy, số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 821.917 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 5.178.083 đồng.

Tổng số tiền gốc của 02 lần H cho anh M vay là 100.000.000 đồng, số tiền gốc anh M đã trả là 50.000.000 đồng; còn nợ 50.000.000 đồng; tổng số tiền H được phép hưởng theo quy định là 1.643.834 đồng; số tiền H đã thu lời bất chính là 10.356.166 đồng.

3. Giao dịch giữa Nguyễn Huy H và chị Trương Thị Kh, sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam:

- *Lần thứ nhất*: Ngày 26/3/2022 H cho chị Trương Thị Kh vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm), H đã cắt lãi trước 1 tháng là 2.400.000 đồng. Ngày 26/4, ngày 26/5 và ngày 26/6/2022 chị Kh tiếp tục trả tiền lãi 2.400.000 đồng/tháng, như vậy chị Kh đã trả cho H 04 tháng tiền lãi (đến ngày 26/7/2022) là 9.600.000 đồng. Tiền gốc chị Kh chưa trả.

Như vậy, số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 1.315.068 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 8.284.932 đồng.

- *Lần thứ hai*: Ngày 05/4/2022, H cho chị Trương Thị Kh vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm), H cắt lãi trước 01 tháng là 3.600.000 đồng. Tiếp đó ngày 05/5 và ngày 05/6/2022 chị Kh trả cho H mỗi lần 3.600.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi đến ngày 05/7/2022 chị Kh đã trả cho H là 10.800.000 đồng, tiền gốc chưa trả.

Như vậy, số tiền H được phép hưởng theo quy định từ ngày 05/4/2022 ngày 05/7/2022 là 1.479.452 đồng; từ ngày 06/7/2022 đến ngày 27/7/2022 là 345.205 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 9.320.548 đồng.

Số tiền H nhằm thu lời bất chính là 2.174.795 đồng.

- *Lần thứ ba*: Ngày 30/5/2022, H cho chị Kh vay số tiền 30.000.000 đồng theo hình thức bóc bát họ, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm), H đã cắt lãi trước 50 ngày là 6.000.000 đồng, thỏa thuận trả tiền gốc trong 50 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng. Đến ngày 15/7/2022 chị Kh đã trả hết số tiền gốc.

Như vậy, số tiền H được phép hưởng theo quy định là 821.917 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 5.178.083 đồng.

- *Lần thứ tư*: Ngày 08/6/2022, H cho chị Kh vay số tiền 30.000.000 đồng theo hình thức bóc bát họ, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, tương đương lãi suất cho vay là 144%/năm, H đã cắt lãi trước 50 ngày là 6.000.000 đồng và thỏa thuận phải trả hết số tiền gốc trong 50 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng. Chị Kh đã trả được 25 ngày số tiền gốc cho H là 15.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng chưa trả.

Như vậy, số tiền H được phép hưởng theo quy định là 821.917 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 5.178.083 đồng.

Tổng số tiền gốc của 04 lần H cho chị Kh vay là 110.000.000 đồng, chị Kh đã trả được 45.000.000 đồng, còn nợ 65.000.000 đồng. Tổng số tiền H được phép hưởng theo quy định là 4.438.354 đồng; số tiền H đã thu lời bất chính là 27.961.646 đồng; số tiền H nhằm thu lời bất chính là 2.174.795 đồng.

4. *Giao dịch giữa Nguyễn Huy H và **chị Nguyễn Thị N**, sinh năm 1983, nơi cư trú: Tổ V, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam:*

- *Lần thứ nhất*: Ngày 24/4/2022, H cho chị N vay số tiền 50.000.000 đồng, theo hình thức bóc bát họ, lãi suất 4.000đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm), H đã cắt lãi trước 50 ngày là 10.000.000 đồng, tiền gốc trả trong 50 ngày mỗi ngày 1.000.000 đồng. Ngày 13/6/2022 chị N đã trả hết số tiền gốc là 50.000.000 đồng cho H.

Như vậy, số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 1.369.863 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 8.630.137 đồng.

- *Lần thứ hai*: Ngày 09/5/2022, H cho chị N vay số tiền 50.000.000 đồng theo hình thức bóc bát họ, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm) H đã cắt lãi trước 30 ngày là 6.000.000 đồng và thỏa thuận phải trả hết gốc trong 30 ngày, mỗi ngày 1.000.000 đồng. Ngày 09/6/2022 chị N đã trả hết số tiền gốc là 50.000.000 đồng cho H.

Như vậy, số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 821.917 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 5.178.083 đồng.

- *Lần thứ ba*: Ngày 10/5/2022, H cho chị N vay số tiền 50.000.000 đồng theo hình thức bóc bát họ, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm) H đã cắt lãi trước của 50 ngày là 10.000.000 đồng và thỏa thuận phải trả gốc trong 50 ngày, mỗi ngày 1.000.000 đồng. Chị N đã trả hết số tiền gốc 50.000.000 đồng cho Hùng.

Như vậy, số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 1.369.863 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 8.630.137 đồng.

- *Lần thứ tư*: Ngày 07/6/2022, H cho chị N vay số tiền 50.000.000 đồng theo hình thức bóc bát họ lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm), H đã cắt lãi trước 50 ngày là 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả gốc trong 50 ngày mỗi ngày 1.000.000 đồng. Chị N đã trả hết số tiền gốc là 50.000.000 đồng cho H.

Như vậy, số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 1.369.863 đồng

Số tiền H đã thu lời bất chính là 8.630.137 đồng.

- *Lần thứ năm*: Ngày 18/6/2022, H cho chị N vay số tiền 30.000.000 đồng theo hình thức bóc bát họ, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm), H đã cắt lãi trước 50 ngày là 6.000.000 đồng và thỏa thuận phải trả hết số tiền gốc trong 50 ngày mỗi ngày 600.000 đồng. Chị N đã trả hết số tiền gốc cho H.

Như vậy, số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 821.917 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 5.178.083 đồng.

Tổng số tiền gốc của 05 lần H đã cho chị N vay là 230.000.000 đồng, chị N đã trả hết số tiền gốc. Tổng số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 5.753.423 đồng, số tiền H đã thu lời bất chính là 36.246.577 đồng.

5. *Giao dịch giữa Nguyễn Huy H và chị Đặng Thị Kim D, sinh năm 1974, nơi cư trú: Tổ X, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam:*

- *Lần thứ nhất:* Ngày 05/6/2022, H cho chị D vay số tiền 20.000.000 đồng theo hình thức bóc bát họ, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm), H đã cắt lãi trước 50 ngày là 4.000.000 đồng và thỏa thuận phải trả hết số tiền gốc trong 50 ngày, mỗi ngày 400.000 đồng. Đến ngày 24/7/2022 chị D đã trả hết số tiền gốc.

Như vậy, số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 547.945 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là: 3.452.055 đồng.

- *Lần thứ hai:* Ngày 18/6/2022, H đã cho chị D vay số tiền 30.000.000 đồng theo hình thức bóc bát họ, lãi suất 4.000đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm), H đã cắt lãi trước 50 ngày là 6.000.000 đồng và thỏa thuận phải trả gốc trong 50 ngày mỗi ngày 600.000 đồng. Đến ngày 26/7/2022 chị D đã trả hết số tiền gốc cho H.

Như vậy, số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 821.917 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 5.178.083 đồng.

- *Lần thứ ba:* Ngày 25/7/2022, H cho chị D vay số tiền 20.000.000 đồng theo hình thức bóc bát họ, lãi suất 4.000đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm) H đã cắt lãi trước của 50 ngày là 4.000.000 đồng và thỏa thuận phải trả hết số tiền gốc trong 50 ngày mỗi ngày 400.000 đồng. Chị D đã trả cho H 400.000 tiền gốc, còn nợ 19.600.000 đồng.

Như vậy số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 547.945 đồng

Số tiền H đã thu lời bất chính là 3.452.055 đồng.

- *Lần thứ 4,* Ngày 27/7/2022, H cho chị D vay số tiền 30.000.000 đồng theo hình thức bóc bát họ, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm), H đã cắt lãi trước 50 ngày là 6.000.000 đồng và thỏa thuận phải trả hết số tiền gốc trong 50 ngày mỗi ngày 600.000 đồng. Chị D chưa trả được số tiền gốc.

Như vậy, số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 821.917 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 5.178.083 đồng.

Tổng số tiền gốc của 04 lần H cho chị D vay là 100.000.000 đồng, chị D đã trả 50.400.000 đồng, còn nợ 49.600.000 đồng tiền gốc. Tổng số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 2.739.724 đồng, số tiền H đã thu lời bất chính là 17.260.276 đồng.

6. *Giao dịch giữa Nguyễn Huy H và anh Bùi Văn H, sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam:*

- *Lần thứ nhất:* Ngày 26/4/2022 Nguyễn Huy H cho anh Bùi Văn H vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm), H cắt lãi trước 01 tháng là 6.000.000 đồng. Đến ngày 26/5/2022 anh H đã trả được cho H

10.000.000đ tiền gốc và đóng lãi cho H 02 lần ngày 26/5/2022, 26/6/2022 mỗi tháng 4.800.000đ.

Như vậy số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định từ ngày 26/4/2022 đến 26/5/2022 là 821.917 đồng; từ ngày 26/5/2022 đến ngày 26/7/2022 là 1.333.333 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 13.444.750 đồng.

- *Lần thứ hai:* Ngày 18/6/2022 Bùi Văn H đã vay Nguyễn Huy H số tiền 50.000.000 đồng theo hình thức bóc bát họ, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm). H đã cắt lãi trước của 50 ngày là 10.000.000đ. Anh H đã trả 38.000.000đ tiền gốc cho H, còn nợ 12.000.000đ tiền gốc.

Như vậy, số tiền H được phép hưởng theo quy định là 1.369.863 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 8.630.137 đồng.

- *Lần thứ ba:* Ngày 24/7/2022 Bùi Văn H đã vay Nguyễn Huy H số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất 4.000đ/triệu/ngày (tương ứng 144%/năm). Anh H chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho H.

Như vậy, số tiền H nhằm thu lời bất chính là 362.466 đồng.

Tổng số tiền gốc của 3 lần H cho anh H vay là 135.000.000 đồng, anh H đã trả được 48.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 87.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định 2.191.780 đồng, số tiền H đã thu lời bất chính là 22.074.887 đồng, số tiền H nhằm thu lời bất chính là 362.466 đồng.

7. Giao dịch giữa Nguyễn Huy H và chị Lê Thị Hồng H, sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ M, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam:

- *Lần thứ nhất:* Ngày 04/3/2022, Nguyễn Huy H cho chị H vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất cho vay 108%/năm, H đã cắt lãi trước 1 tháng là 900.000 đồng. Chị H đã trả hết số tiền gốc cho H.

Như vậy số tiền lãi H được hưởng phép hưởng theo quy định là 164.384 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 735.616 đồng.

- *Lần thứ 2:* Ngày 27/06/2022 H cho chị H vay số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 12.500đ/1.000.000đ/1 ngày, (tương ứng 450%/năm), H cắt lãi trước 26.000.000 đồng và không viết giấy vay tiền. Ngày 22/7/2022, H yêu cầu chị H viết giấy vay tiền. Ngày 27/07/2022, chị H đã trả H 80 triệu tiền gốc và số tiền lãi 5.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất theo quy định của pháp luật mà Nguyễn Huy H được phép thu là 1.358.904 đồng.

Số tiền H đã thu lời bất chính là 29.641.096đ

Tổng số tiền H đã cho chị H vay là 90.000.000 đồng, tổng số gốc chị H đã trả H là 90.000.000 đồng; tổng số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là

1.523.288 đồng; tổng số tiền H đã thu lời bất chính là 30.376.712 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc Nguyễn Huy H đã sử dụng để cho chị H, anh M, chị N, chị Kh, anh H, chị D vay là 865.000.000 đồng; tổng số tiền gốc H đã thu về 513.400.000 đồng; số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 22.911.407 đồng; số tiền H đã thu lời bất chính là 164.988.593 đồng; số tiền H nhằm thu lời bất chính là 6.679.727 đồng.

Quá trình điều tra còn xác định Nguyễn Huy H đã cho bà Đặng Thị C, sinh năm 1967 ở tổ B, thị trấn Q, huyện K vay tiền 02 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng; cho bà Lê Thị N sinh năm 1966 ở thôn P, xã N, huyện K vay số tiền 15.000.000 đồng; cho anh Lại Văn T, sinh năm 1975 ở tổ N, thị trấn Q, huyện K vay số tiền 10.000.000 đồng; cho chị Đỗ Thị H sinh năm 1957 ở tổ M, thị trấn Q vay số tiền 35.000.000 đồng; cho anh Lê Tiến Đ sinh năm 1989 ở thôn Đ, xã N, huyện K vay số tiền 80.000.000 đồng đều với lãi suất 2%/tháng (tương ứng 24%/năm). Nguyễn Huy H cho anh Nguyễn Văn M sinh năm 1979 ở tổ V, thị trấn Q, huyện K vay số tiền 20.000.000 đồng; cho anh Lê Văn S sinh năm 1990 ở tổ I, thị trấn Q, huyện K vay số tiền 20.000.000 đồng và không tính lãi do anh M và anh S là bạn của H; cho anh Phạm Ngọc B sinh năm 1994 nơi cư trú thôn X, xã N, huyện K vay số tiền 10.000.000 đồng, H khai nhận cho anh B vay với lãi suất 2%/tháng, tuy nhiên hiện nay Cơ quan điều tra chưa triệu tập, làm việc được với anh Bảo để xác minh lãi suất cho vay giữa H và anh B.

** Vật chứng thu giữ gồm:*

+ Số tiền: 85.000.000 đồng.

+ 01 hợp đồng vay tiền đề ngày 14/5/2022, người vay Đỗ Thị H.

+ 02 bản hợp đồng vay tiền đề ngày ngày 07/6/2022 và ngày 28/6/2022, đều ghi tên người vay Trần Hùng M.

+ 04 bản hợp đồng vay tiền đề ngày 26/3/2022; 05/4/2022; ngày 30/5/2022; ngày 08/6/2022, đều ghi tên người vay tiền Trương Thị Kh.

+ 03 bản hợp đồng vay tiền đề ngày 26/4/2022, ngày 18/6/2022, ngày 24/7/2022, người vay đều là Bùi Văn H.

+ 04 bản hợp đồng vay tiền đề ngày 05/6/2022; ngày 18/6/2022; ngày 25/7/2022; ngày 27/7/2022, người vay đều là Đặng Thị Kim D.

+ 02 bản hợp đồng vay tiền ngày 22/6/2022; ngày 15/7/2022, người vay đều là Đặng Thị C.

+ 01 bản hợp đồng vay tiền ngày 14/7/2022, người vay Đỗ Thị H.

+ 01 bản hợp đồng vay tiền ngày 12/7/2022, người vay Lê Thị N.

+ 01 bản hợp đồng vay tiền ngày 12/5/2022, người vay Lê Văn S.

+ 01 bản hợp đồng vay tiền ghi ngày 04/3/2022, người vay Lê Thị Hồng H.

- + 01 bản hợp đồng vay tiền ghi ngày 08/10/2021, người vay Lại Văn T.
- + 01 bản hợp đồng vay tiền ghi ngày 20/7/2022, người vay Lê Tiến Đ.
- + 01 bản hợp đồng vay tiền ghi ngày 27/5/2022, người vay Nguyễn Văn M.
- + 01 bản hợp đồng vay tiền ghi ngày 12/5/2022, người vay Phạm Ngọc Bảo.
- + 01 bản hợp đồng vay tiền đề ngày 22/7/2022, người vay tiền Lê Thị Hồng

H.

- + 05 bản hợp đồng vay tiền ghi ngày 24/4/2022; ngày 09/5/2022; ngày 10/5/2022; ngày 07/6/2022; ngày 18/6/2022, người vay đều là Nguyễn Thị N.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-KB ngày 23/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Huy H về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 225.918.000 đồng; trả lại cho chị Lê Thị Hồng H số tiền 5.000.000 đồng; buộc bị cáo phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 433.400.000 đồng; buộc chị H phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 79.287.671 đồng; buộc anh M phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 39.643.834 đồng; buộc chị Kh phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 37.038.354 đồng; buộc chị D phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 32.339.724 đồng; buộc anh H phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 64.925.113 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Huy H khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã truy tố và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho được cải tạo ngoài xã hội.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Bùi Văn H, chị Nguyễn Thị N, chị Lê Thị Hồng H, anh Lại Văn T, anh Lê Tiến Đ đều xác định việc vay nợ đối với bị cáo H đúng như bị cáo đã khai nhận. Anh H xác định vẫn còn nợ bị cáo H số tiền gốc là 87.000.000 đồng, nay anh nhất trí nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước. Chị H đề nghị trả lại cho chị số tiền 5.000.000 đồng mà cơ quan điều tra đã thu giữ, đối với số tiền lãi H thu lời bất chính còn lại của chị mà H đã giao nộp cho cơ quan điều tra thì chị không yêu cầu trả lại, chị tự nguyện chuyển số tiền đó vào ngân sách Nhà nước. Chị N, anh Tg,

anh Đ đều xác định không còn gì liên quan nữa nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định đó. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Huy H tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ vật chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập.

Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ để xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến ngày 27/7/2022, trên địa bàn xã N và thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam, bị cáo Nguyễn Huy H đã cho chị Đỗ Thị H, chị Đặng Thị Kim D, chị Trương Thị Kh, anh Trần Hùng M, anh Bùi Văn H, chị Nguyễn Thị N và chị Lê Thị Hồng H nhiều lần vay tiền với mức lãi suất từ 108% đến 450%/năm (cao gấp từ 5 lần đến 22 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự) với tổng số tiền Hùng đã cho vay là 865.000.000 đồng; tổng số tiền gốc H đã thu về 513.400.000 đồng; số tiền lãi H được phép hưởng theo quy định là 22.911.407 đồng; số tiền H đã thu lời bất chính là 164.988.593 đồng; số tiền H nhằm thu lời bất chính là 6.679.727 đồng.

Tính chất, mức độ tội phạm bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, làm mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn nên được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, cũng cần xem xét tình tiết bị cáo đã tự nguyện giao nộp được số tiền 182.900.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc cho 07 người vay với lãi suất cao và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định mà bị cáo đã thu để giảm nhẹ thêm cho bị cáo.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Nguyễn Huy H có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Vì vậy, thấy không cần thiết phải cách li bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, đồng thời cũng thể hiện tính nhân đạo và sự khoan hồng của pháp luật.

- Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập, không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, do đó miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về các vấn đề khác:

[5.1] Đối với hành vi Nguyễn Huy H cho bà Đặng Thị C, bà Lê Thị N; anh Lại Văn T; bà Đỗ Thị H; anh Lê Tiến Đ vay tiền với lãi suất 2%/tháng (tương ứng 24%/năm) tuy vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nhưng chỉ vượt quá 4%, do đó không đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

[5.2] Đối với hành vi Nguyễn Huy H cho anh Phạm Ngọc B vay tiền: Quá trình điều tra H khai nhận cho anh B vay với lãi suất 2%/tháng, tuy nhiên hiện nay Cơ quan điều tra chưa triệu tập, làm việc được với anh B để xác minh lãi suất cho vay giữa H và anh B. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng tiếp tục tiến hành xác minh, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[5.3] Đối với anh Trần Việt C là chủ cửa hàng cầm đồ VC: Quá trình điều tra xác định, cửa hàng cầm đồ của anh C đã dừng hoạt động từ đầu năm 2021. Trước đó, anh C và H có mối quan hệ là bạn bè, H có đến cửa hàng của anh C chơi và tự lấy 01 bản mẫu hợp đồng về photo và sử dụng để cho vay. Do anh C không biết, không thỏa thuận, thống nhất và không được hưởng lợi gì về việc H cho vay lãi nặng, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Bảng không xem xét

xử lý anh C về hành vi đồng phạm về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[6.1] Đối với số tiền 85.000.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ là tiền do chị Lê Thị Hồng H trả cho bị cáo H 80.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay ngày 27/6/2022 và số tiền 182.900.000 đồng do bị cáo H tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra, tổng cộng là 267.900.000 đồng, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị N 36.246.577 đồng và trả lại cho chị Lê Thị Hồng H 735.616 đồng là đúng quy định pháp luật, chị N không có yêu cầu gì thêm, chị H tự nguyện đề nghị nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền còn lại bị H thu lời bất chính nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của chị H. Cụ thể số tiền 230.918.000 đồng, trong đó có 80.000.000 đồng là tiền H sử dụng vào mục đích phạm tội và 47.554.655 đồng là tiền H thu lời bất chính và tiền chị H không yêu cầu trả lại nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; đối với số tiền 5.000.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ của chị H là tiền chính đáng không liên quan đến tội phạm và chị H có yêu cầu trả lại nên sẽ trả lại cho chị H; còn lại số tiền 98.363.345 đồng bị cáo H thu lời bất chính được trả lại cho các cá nhân gồm: Chị Đỗ Thị H 20.712.329 đồng, anh Trần Hùng M 10.356.166 đồng, chị Trương Thị Kh 27.959.687 đồng, chị Đặng Thị Kim D 17.260.276 đồng, anh Bùi Văn H 22.074.887 đồng, nhưng sẽ sung vào ngân sách Nhà nước và sẽ đối trừ vào số tiền gốc vay là tiền sử dụng vào mục đích phạm tội những người này phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền 351.600.000 đồng là số tiền gốc bị cáo H chưa thu được của chị Đỗ Thị H, anh Trần Hùng M, chị Trương Thị Kh, chị Đặng Thị Kim D, anh Bùi Văn H nhưng đến nay những người này chưa giao nộp, cụ thể gồm: Chị H 100.000.000 đồng, anh M 50.000.000 đồng, chị Kh 65.000.000 đồng, chị D 49.600.000 đồng, anh H 87.000.000 đồng là tiền sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần buộc những người này phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước và sẽ được đối trừ vào số tiền H thu lời bất chính trả lại cho họ như nhận định xử lý nêu trên.

Cụ thể từng người phải nộp tiếp số tiền để sung vào ngân sách Nhà nước như sau:

Chị Đỗ Thị H phải nộp tiếp số tiền là 100.000.000 đồng – 20.712.329 đồng = 79.287.671 đồng.

Anh Trần Hùng M phải nộp tiếp số tiền là 50.000.000 đồng – 10.356.166 đồng = 39.643.834 đồng.

Chị Trương Thị Kh phải nộp tiếp số tiền là 65.000.000 đồng – 27.959.687

đồng = 37.040.313 đồng.

Chị Đặng Thị Kim D phải nộp tiếp số tiền là 49.600.000 đồng – 17.260.276 đồng = 32.339.724 đồng.

Anh Bùi Văn H phải nộp tiếp số tiền là 87.000.000 đồng – 22.074.887 đồng = 64.925.113 đồng.

[6.3] Đối với số tiền 433.400.0000 đồng gốc đến nay bị cáo H chưa giao nộp được là tiền H sử dụng vào mục đích phạm tội nên cần buộc H phải giao nộp số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6.4] Đối với các vật chứng là 30 bản hợp đồng vay tiền là những tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu vào hồ sơ vụ án.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huy H phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*". Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án 12/01/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Huy H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 225.918.000đ (hai trăm hai mươi lăm triệu chín trăm mười tám nghìn đồng). Trả lại cho chị Lê Thị Hồng H số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). (Toàn bộ số tiền nêu trên đều được xác định tại Ủy

nhiệm chi số 28 lập ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Kho bạc Nhà nước huyện Kim Bảng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Huy H phải nộp số tiền 433.400.000đ (bốn trăm ba mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị Đỗ Thị H phải nộp số tiền 79.287.671đ (bảy mươi chín triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Trần Hùng M phải nộp số tiền 39.643.834đ (ba mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị Trương Thị Kh phải nộp số tiền 37.040.313đ (ba mươi bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn ba trăm mười ba đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc chị Đặng Thị Kim D phải nộp số tiền 32.339.724đ (ba mươi hai triệu ba trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi bốn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc anh Bùi Văn H phải nộp số tiền 64.925.113đ (sáu mươi tư triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn một trăm mười ba đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Huy H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày

nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Công an huyện Kim Bảng;
- UBND thị trấn Q;
- Bị cáo;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Thọ